

Số: /2023/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG KHÓA XIX KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng

cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (*sau đây viết tắt là Thông tư số 62/2022/TT-BTC*) và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

c) Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (*sau đây viết tắt là người cai nghiện ma túy bắt buộc*), người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Người nghiện ma túy đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

c) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc

a) Hỗ trợ tiền ăn bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (*đối với người cai nghiện là nữ*) của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

c) Hỗ trợ tối đa 300.000 đồng để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm 01 bộ quần áo cấp cho người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú.

2. Người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ tiền ăn, ở, sinh hoạt theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh

1. Hỗ trợ tiền ăn; tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (*đối với người cai nghiện là nữ*) bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC và tiền thuốc chữa bệnh thông thường được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC cho các đối tượng sau: Thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Hỗ trợ chỗ ở. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Mức hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã

Hỗ trợ người được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy bằng 0,2 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng, số lượng người được hỗ trợ cụ thể:

1. Đối với xã, phường, thị trấn có từ 01 đến dưới 50 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy được hỗ trợ 01 người.

2. Đối với xã, phường, thị trấn có từ 50 đến dưới 100 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy được hỗ trợ 02 người.

3. Đối với xã, phường, thị trấn có từ 100 đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy trở lên được hỗ trợ 03 người.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDL);
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (Hg).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân